

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA BÀI TẬP DỊCH THUỘC BÌNH DIỆN TỪ VỰNG-NGŨ NGHĨA

Phạm Thanh Bình
Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga

I. Mở đầu

Bài tập dịch đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình hình thành các kỹ năng, kỹ xảo dịch. Có được một hệ thống bài tập dịch hiệu quả là có được tiền đề quyết định thành công của việc dạy-học dịch. Với sự trợ giúp của các bài tập người học có thể thực hiện các thao tác dịch thành thạo với mức độ tự động hoá cao. Khi thực hiện các bài tập so sánh đối chiếu hai hệ thống ngôn ngữ, người học phân tích, đánh giá văn bản trên quan điểm dịch thuật để lựa chọn các phương tiện ngôn ngữ có tính đến đặc điểm của nguyên bản và bản dịch cũng như đặc điểm của người tiếp nhận bản dịch.

Trong giáo trình dạy dịch hiện nay các bài tập dịch chưa thật phong phú và chưa mang tính hệ thống. Vì vậy chúng tôi mong muốn có được một hệ thống bài tập nhằm giúp người học giải quyết những khó khăn sẽ gặp phải trên các bình diện từ vựng-ngữ nghĩa, ngữ pháp và văn phong.

Trong khuôn khổ của bài viết này chúng tôi chỉ trình bày một số cơ sở lý luận để soạn thảo các bài tập dịch thuộc bình diện từ vựng-ngữ nghĩa như: từ nhiều nghĩa, nghĩa ngữ cảnh và tương đương ngữ cảnh, các mức độ tương đương từ vựng và các thủ pháp biến đổi từ vựng-ngữ nghĩa, các phương thức dịch reasy, tên địa danh và tên riêng...

II. Nội dung

1. Từ nhiều nghĩa, nghĩa ngữ cảnh và tương đương ngữ cảnh

Khi ta nói về nghĩa của từ này hay từ kia trong nguyên bản và việc truyền đạt nó bằng những từ nhất định trong ngôn ngữ dịch thì điều tất yếu là ta không thể tách nó ra khỏi ngữ cảnh có chứa từ đó trong nguyên bản và sẽ chứa nó trong bản dịch. Ngữ cảnh có thể là hẹp – tập hợp từ, câu, cũng có thể là rộng - đoạn, văn bản... Phần lớn các từ là từ nhiều nghĩa. Nếu không xác định được nghĩa từ trong một ngữ cảnh cụ thể nào đó của nguyên bản thì người dịch khó có thể tìm được từ tương đương có mức độ đồng nhất cao trong bản dịch.

Ví dụ: Nghĩa từ có thể được xác định trong một ngữ cảnh tối thiểu – cụm từ. Từ “свежий” có thể có nhiều từ tương đương trong tiếng Việt khi nó kết hợp với những danh từ khác nhau tạo các nét nghĩa khác nhau:

- свежий хлеб: bánh mì mới ra lò
- свежий огурец: dưa chuột tươi
- свежая рубашка: áo sạch
- свежее утро: buổi sáng mát mẻ
- свежая могила: mộ mới chôn
- свежий воздух: không khí trong lành
- свежий вид: dáng vẻ khoẻ khoắn

Nghĩa của từ nhiều nghĩa trong nhiều trường hợp cần được xác định trong câu. Ví dụ: động từ *стоять*

- Она стоит перед зеркалом и причёсывается.
Cô ấy đứng trước gương và chải tóc.
- На посту стоит молодой солдат.
Có người lính trẻ đang đứng gác.
- Цветы стоят в вазе.
Hoa được cắm trong lọ.

- Около дома стоит огромный старый дуб.

Cạnh nhà có một cây sồi cổ thụ lớn.

- Пароход стоит в порту второй день.

Tàu thủy đỗ ở cảng đã hai ngày rồi.

- Зима в прошлом году стояла тёплая.

Mùa đông năm ngoái thật ấm áp.

- Они стоят во главе правительства.

Họ là những người đứng đầu chính phủ.

- Мои часы стоят.

Đồng hồ của tôi bị chết.

Không ít những trường hợp để tìm ra được từ tương đương chính xác phải cần có một ngữ cảnh rộng là cả một *đoạn văn*. Ví dụ: “Через Михайловский сад мы вышли к Русскому музею. Снова знакомые картины обступили нас тесной толпой. Но каждый раз среди этих старых знакомцев появились находки”.

“*Старые знакомцы*” trong ngữ cảnh này phải dịch là *những bức tranh quen thuộc* chứ không thể là *những người quen cũ*.

Đôi khi để hiểu thấu đáo nghĩa từ và chọn được từ tương đương thật “đạt” phải cần đến cả *văn bản trọn vẹn hoặc liên văn bản*.

Tìm từ, cụm từ tương trong ngữ cảnh là loại bài tập được sử dụng với tần số cao và ngay ở giai đoạn đầu của chương trình dịch thực hành. Không nên yêu cầu người học tìm từ tương đương mà không cho họ một ngữ cảnh cụ thể nào.

2. Mức độ tương đương từ vựng và một số thủ pháp biến đổi từ vựng ngữ nghĩa

Mục đích của hoạt động dịch là tạo được một văn bản dịch tương đương với nguyên bản về nội dung, chức năng và hình thức. Tuy nhiên do đặc điểm của từng ngôn ngữ bản dịch có thể đạt được những mức độ tương đương khác nhau. Việc nắm được *một số kiểu quan hệ tương đương* cho phép người dịch không dịch quá cứng nhắc, cũng không vượt quá giới hạn cho phép.

Ở *mức độ tương đương cao* có thể có sự song song tối đa giữa thành phần từ vựng của nguyên bản và bản dịch hoặc phần lớn các từ đều có thể tìm thấy từ tương ứng. Ví dụ:

- Суздаль – один из немногих городов Золотого кольца, почти целиком сохранивших свою древнюю архитектуру.

Xuddan là một trong số ít những thành phố của Vành đai vàng còn giữ được hầu hết các công trình kiến trúc cổ của mình.

- Đà Lạt là một trong những nơi nghỉ mát nổi tiếng vào bậc nhất nước ta.

Далат – один из известнейших курортов нашей страны.

Bản dịch có thể đạt được *mức độ tương đương thấp hơn* do có sự biến đổi về ngữ nghĩa cho phù hợp với đặc thù của ngôn ngữ dịch. Người dịch phải dùng tới một số thủ pháp như:

• Thêm hoặc bớt chi tiết:

- Москва будет вырастать в твоей памяти утром, днём, вечером.

Maxcova sẽ hiện lên trong tâm trí bạn cả sáng, trưa, chiều, *tối*

- Nay rừng này, mai suối kia

Сегодня здесь, завтра там.

• Cụ thể hoá hoặc khái quát hoá:

- Chúng tôi đốt *đống lửa* và nằm nghỉ ngay trên bờ biển.

Мы зажгли *костёр* и улеглись отдыхать прямо на берегу моря.

- Загремела *мазурка*.

Điện nhạc vang lên.

• Hoán dụ:

- Тёмная ноябрьская вода бесшумно струится под высокими мостами.
Dòng sông trở nên sẫm màu hơn vào tháng mười một êm đềm chảy dưới chân cầu.
 - Я увидел нового Куинджи – обрывистый берег Азовского моря, пышущий степным пламенем, кобальтовым морским зноем.
Tôi như được thấy một bức tranh mới của Quyn-gi – bờ biển Adốp thoai thoải đang rừng rực ngọn lửa thảo nguyên và ngời lên màu xanh cô ban của biển trong những ngày nóng nực.
 - Biển chủ thể ngữ nghĩa thành khách thể hoặc ngược lại
 - Mặt nước phẳng như gương phản chiếu sắc trời êm dịu.
В зеркальной воде отражается нежно голубое небо.
 - Проспекты и Нева были задымлены слабым туманом.
Một màn sương mỏng bao phủ khắp các đại lộ và sông Nêva.
 - Sử dụng từ trái nghĩa
 - Мы успеem. У нас есть ещё сорок минут.
Chúng ta chưa muộn đâu. Còn bốn mươi phút nữa.
 - Đường như hai mươi năm nay mọi vật vẫn đang nguyên như thế.
Казалось, ничего не изменилось за эти двадцать лет.
- Ở mức độ tương đương thấp hơn nữa người dịch phải thay đổi cả phương thức miêu tả tình huống. Đó là trường hợp dịch các nghi thức lời nói, biến cảnh báo hoặc cụm từ cố định ...

- Сон утот!
Осторожно, окрашено!
- Огнеопасно!
Cấm lửa!
- Ни пуха ни пера!
Chúc may mắn!
- Широкая улыбка медленно сползла с его лица.
Nụ cười rạng rỡ từ từ tắt trên môi anh.

Mức độ tương đương thấp nhất thường thấy trong một số trường hợp dịch thành ngữ, tục ngữ hoặc thi ca. Thành phần từ vựng của hai loại văn bản có thể hoàn toàn không tương ứng với nhau. Nghĩa của thành ngữ, tục ngữ không phải là phép cộng máy móc nghĩa từ vựng của các thành tố. Người dịch cần linh hoạt khi lựa chọn cách dịch: trực dịch, dịch nghĩa bóng hoặc tìm đơn vị tương đương. Đích cuối cùng là giữ lại được mục đích giao tiếp nhằm truyền đạt nghĩa hàm ẩn và chức năng biểu cảm của phát ngôn. Ví dụ:

- бить баклуши - vô công rồi nghề
- как пить дать - như đinh đóng cột
- Любишь брать, люби и отдавать
Ông mất cái giò, bà thò chai rượu
- Ты уже старый, как лунь.
Он сильно постарел, весь седой как лунь.
- Вуон hồng chỉ dám ngăn rào chim xanh (Kiều – Nguyễn Du)

Силы противиться счастью в сердце моём уже нет. (Перевод Н. Никулина)

3. Dịch really, địa danh, tên người

Really là khái niệm liên quan đến đời sống, sinh hoạt, truyền thống, văn hoá đặc trưng cho một dân tộc nào đó. Có thể dùng một số thủ pháp dịch mô phỏng để truyền đạt nội dung của các khái niệm đó.

- phiên âm, chuyển ký tự, căn ke

Phương thức này thường được sử dụng khi các khái niệm đã trở thành quen thuộc trong ngôn ngữ dịch.

- самовар - ấm xa-mô-va
- балалайка - đàn ba-la-lai-ca
- перестройка - perestroika
- Государственная Дума РФ - Duma quốc gia Nga

Hiện nay người ta có xu hướng phiên âm gần với cách phát âm trong ngôn ngữ nguyên bản

- Москва - Matxcova (trước đây: Mạc tư khoa)

Белоруссия - Belorut (trước đây: Bạch Nga)

- *chuyển ký tự có kèm giải thích* dùng trong những trường hợp realy còn xa lạ với người tiếp nhận bản dịch

- матрёшка - “matriôska” – búp bê gỗ hình nửa ô van bên trong có chứa nhiều con giống nhau.

- áo dài - “аозай” – вьетнамское национальное женское платье

- пем - “нем” – роллы – мясо и овощи завернутые в тончайшие блинчики из рисовой муки и обжаренные в масле

- xe ôm - “сеом” – мотоцикл – такси

- *phỏng dịch chức năng*

Khi realy không phải là đối tượng thông báo thì người dịch có thể bỏ nó đi và dịch mô phỏng bằng các thủ pháp khái quát hoá, cụ thể hoá, hoán dụ... Ví dụ:

- У тогдашних ребятишек имелась ещё одна “привилегия” – кататься снаружи, ухватившись за “колбасу”.

Trẻ con ngày ấy có một đặc quyền là được bám theo tàu ở phía ngoài.

- Видео, конечно, не может целиком решить проблему “ножниц” между центром и периферией, но смягчить может.

Video tất nhiên không giải quyết triệt để được vấn đề khoảng cách giữa thành thị và nông thôn nhưng cũng rút ngắn được khoảng cách đó.

Dịch tên người và địa danh: Tên người và địa danh Nga thường không có nghĩa nên khi dịch phương thức chuyển ký tự rất thông dụng.

- А.С.Пушкин - A.X.Puskin

- Невский проспект - §'i lé Nhepxki

Khi địa danh và tên người có nghĩa thì có thể có các phương thức chuyển ký tự, dịch nghĩa hoặc cả hai phương thức cùng một lúc.

- Красная площадь - Quảng trường Đỏ

- Зимний дворец - Cung điện Mùa đông

- Чухлома - Chùa Một Cột – Пагода Моткот

- Ngọ Môn – Полуденные Ворота - Нгомон

- Cô gái tên là Xuân Hương - Девушку зовут Суан Хыонг – “весенний аромат”

Nếu tên người Nga có kèm biệt danh thì nên dịch nghĩa biệt danh đó.

- Иван Грозный - Ivan Hung đế

- Пётр Первый - Pie Đệ nhất

Khi địa danh có nghĩa và tác giả nguyên bản muốn nhấn mạnh nghĩa của địa danh đó thì phương thức cần chọn phải là dịch nghĩa:

- От моста начинается Арбат с его переулками – со Строканюшенными, Скатертными, Хлебными, сами название которых говорят о профессиях русских мастеров, заселявших их.

Từ chân cầu bắt đầu phố Ac-bat với những ngõ hẻm – ngõ Chuồng ngựa cũ, Khăn trải bàn, Bánh mì mà chính tên gọi của chúng cho ta biết về nghề nghiệp của những người thợ Nga xưa đã từng sinh sống ở đó.

Yếu tố truyền thống – thói quen trong ngôn ngữ dịch cũng cần được tính đến. Ví dụ: “Московский Большой театр” dịch là “Nhà hát lớn Matxcova” quen thuộc với độc giả

hơn là “Nhà hát Bónsói Matxcova”.

Ngoài các vấn đề trên, cần lưu ý đến một số vấn đề khác như: dịch chính xác con số, chữ viết tắt, từ mới xuất hiện, từ có nguồn gốc tiếng nước ngoài, từ gần âm, từ đồng âm khác nghĩa ...

Người học dịch cần sử dụng thành thạo các loại từ điển: từ điển song ngữ, từ điển đa ngữ, từ điển giải nghĩa, từ điển chuyên ngành, từ điển thuật ngữ, từ điển thành ngữ, từ điển viết tắt, từ điển tiếng nước ngoài, từ điển những vấn đề khó trong tiếng Nga, từ điển kết hợp từ, từ điển từ đồng nghĩa, từ điển từ trái nghĩa, từ điển ngôn ngữ đất nước học ...

III. Kết luận

Trên đây là những cơ sở lý luận để xây dựng một hệ thống bài tập từ vựng-ngữ nghĩa trong dịch thực hành. Các bài tập cần được lựa chọn cho phù hợp với ngữ liệu được đưa trong chương trình học, với yêu cầu luyện từng kỹ năng cụ thể, với mức độ khó dễ ở từng giai đoạn, với đối tượng người học v.v...

Chúng tôi xin trình bày một số bài tập mẫu ở những bài viết sau. Rất mong được sự quan tâm đóng góp ý kiến xây dựng của các đồng nghiệp

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Бреус Е. В. *Основы теории и практики перевода с русского языка на английский* М., УРАО, 1998.

Программа курса перевода для иностранных студентов М., Русский язык, 1990.

Фёдоров А. В. *Основы общей теории перевода* М., 2002.

Nguyễn Bá Bái. *Những vấn đề lý thuyết phiên dịch* (tập bài giảng)

Nguyễn Tùng Cương. *Tục ngữ Nga và các đơn vị tương đương trong tiếng Việt*, Nxb ĐHQG HN, 2004.

Đặng Trần Thành. *Xác định các kiểu quan hệ tương đương giữa nguyên bản và bản dịch trên cơ sở khái niệm “Đẳng trị giao tiếp”*.